

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/DS-PT

Ngày: 20/6/2019

*V/v Yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Ông Vũ Toàn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày từ ngày 31/5/2019 đến ngày 20/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DSST ngày 11/9 và 5/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn CĐ, HB, Đ, Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn TA, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn CĐ, HB, Đ, Hà Nội. Người nhận uỷ quyền: Ông Lê Phùng H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Đ, NH, Đ, Hà Nội. Có mặt ông H.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn CĐ, HB, Đ, Hà Nội. Người nhận uỷ quyền: Ông Lê Phùng H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Đ, NH, Đ, Hà Nội.

- *Người kháng cáo:*

- + Bà Nguyễn Thị L - nguyên đơn;
- + Anh Nguyễn TA - bị đơn.
- *Kháng nghị*: VKSND huyện Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào hồi 17h00 ngày 09/04/2016, bà Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead có BKS số 29L1-228.57 đi trên đường QL5 kéo dài đến đoạn đường ĐN, xã HB, Đ thì bị anh Nguyễn TA, sinh năm 1998 (là học sinh lớp 10A3 Trường PTTH BTL- Hà Nội) điều khiển xe mô tô BKS 29S1-... không đội mũ bảo hiểm, không có Giấy phép lái xe đi hướng cầu ĐT đâm vào bên phải xe của bà. Hậu quả bà L ngã và gãy cẳng chân phải. Bà phải đi bệnh viện mổ lắp ghép xương. Gia đình anh TA có đưa tạm cho bà 20.000.000đ để chi phí chữa trị.

Ngày 12/6/2016, bà L có đơn trình báo Công an huyện Đ về vụ tai nạn giao thông trên và đề nghị làm rõ nguyên nhân.

Tại Kết luận giám định Pháp y thương tích số 775/TTPY ngày 08/9/2016 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế Hà Nội kết luận: bà L bị tổn hại sức khoẻ 27%.

Ngày 11/01/2018, bà L nhận được Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm số 85/CQĐT ngày 23/01/2017 và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 59 ngày 23/1/2017. Kết luận có nội dung: Lỗi xảy ra tai nạn là của anh Nguyễn TA; bà L không có lỗi.

Bà L khai đã phải chữa trị tích cực đối với vết thương, làm ảnh hưởng đến thời gian lao động của bà, của người nhà bà phải chăm sóc, ảnh hưởng đến kinh tế. Các chi phí bà L cung cấp để yêu cầu anh TA bồi thường bao gồm:

- Chi phí khám chữa vết thương bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc, tiền chiếu chụp, tiền phẫu thuật: 32.500.000đ.
- Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ: (6 tháng x 200.000đ) + 5.000.000đ = 41.000.000đ.
- Chi phí tập vật lý trị liệu, tập hàng tháng = 20.000.000đ.
- Chi phí phương tiện đi khám chữa bệnh là 10.000.000đ.
- Tiền mất thu nhập là 11 tháng 15 ngày x 10.000.000đ/ tháng = 115.000.000đ.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 11 tháng x 5.000.000đ = 55.000.000đ.
- Tổn hại về tinh thần, sức khoẻ = 60.000.000đ.
- Tiền lưu giữ xe máy = 5.236.000đ.
- Tiền sửa xe máy = 6.355.000đ.

Cộng = 345.091.000đ. Đã tạm ứng 20.000.000đ. Còn lại 325.091.000đ bà L yêu cầu anh TA phải trả.

Bị đơn anh Nguyễn TA và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vụ tai nạn giao thông xảy ra như lời trình bày của bà L. Công an huyện Đ đã có Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm số 85/CQĐT ngày 23/01/2017 và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 59 ngày 23/1/2017; theo kết luận của cơ quan điều tra thì lỗi hoàn toàn do anh TA gây ra.

Nhưng anh TA không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L với lý do sau:

- Vụ tai nạn giao thông xảy ra hồi 17h ngày 09/4/2016 trên là do cả hai bên đều bị quá đèn nên hoảng sợ và tự ngã ra đường và đều bị thiệt hại về tài sản.
- Sơ đồ hiện trường được dựng lại qua lời kể của bà L, anh TA, và người làm chứng đều thể hiện rõ khoảng cách giữa hai xe và không có sự va chạm.
- Kết luận khám nghiệm phương tiện: không xác định được dấu vết va chạm.
- Đối với Thông báo số 85/CQĐT ngày 23/1/2017 đã xác định về lỗi: anh Nguyễn TA điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ khi đến đường giao nhau gây ra tai nạn vi phạm Điều 24 Luật Giao thông đường bộ. Bà Nguyễn Thị L không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông. Anh TA cho rằng cơ quan điều tra cố tình chụp mũ cho anh có lỗi, vì trong biên bản khám nghiệm hiện trường không thể hiện vết phanh trượt kéo dài trên mặt đường.

Nếu buộc phải bồi thường, anh TA chỉ chấp nhận bồi thường mất thu nhập cho bà L và người chăm sóc bà L + Tiền tổn hại về tinh thần 03 tháng + Tiền khám chữa bệnh, tiền thuốc (theo hoá đơn chứng từ hợp lệ) + Tiền sửa xe máy theo kết quả định giá thiệt hại tài sản. Anh không chấp nhận bồi thường tiền chi phí đi lại, tiền tập vật lý trị liệu, tiền bồi dưỡng sức khoẻ.

Bản án sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 11/9+05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.
2. Buộc anh Nguyễn TA phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 146.543.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, anh Nguyễn TA nộp đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11/9+05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, bà Nguyễn Thị L nộp đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11/9+05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, VKSND huyện Đ có Quyết định kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 11/9+05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng:

+ Đưa thêm người tham gia tố tụng là chủ sở hữu xe máy (nguồn nguy hiểm cao độ) là ông Nguyễn AT; chị Nguyễn Thị Thanh H (là người giao xe máy cho anh Nguyễn TA). Để làm rõ về việc giao xe máy cho anh TA.

+ Làm rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ theo Điều 602, Điều 623 BLDS 2005; Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của HĐTP Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo bản án.
- Bị đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, chỉ nhất trí bồi thường theo quy định pháp luật đối với những tài liệu chứng cứ do cơ quan chữa vết thương cho bà L chỉ định.

- Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sửa một phần nội dung của Quyết định kháng nghị và Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đưa đại diện gia đình anh TA tham gia tố tụng. Buộc anh TA có trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật cho bà L. Trường hợp anh TA có khó khăn về kinh tế thì gia đình anh TA phải có trách nhiệm cùng anh TA để bồi thường cho bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí. Quyết định kháng nghị của VKSND huyện Đ gửi trong hạn luật định. Nên đều được chấp nhận xem xét.

Đại diện gia đình anh TA là ông Nguyễn Hữu S (bố của anh TA) có lời khai: đề nghị Toà án cho ông là đại diện gia đình được tham gia tố tụng vụ án tại cấp phúc thẩm. Trường hợp anh TA phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật cho bà L, và anh TA có khó khăn về kinh tế vì chưa có việc làm nên chưa có thu nhập thì gia đình ông sẽ có trách nhiệm cùng. Đây là sự tự nguyện của ông S,

nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Hữu S (đại diện cho gia đình anh TA).

II. Xét nội dung kháng cáo của các bên và nội dung kháng nghị của VKSND huyện Đ như sau:

[1]. Hồi 17h00' ngày 09/4/2016, tại ngã 3 đường Quốc lộ 5 kéo dài thuộc địa phận ĐN, HB, Đ, Hà Nội xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô BKS 29S1-397.03 do anh Nguyễn TA, sinh năm 1998, trú tại: xóm 1, CD, HB, Đ, không có giấy phép lái xe, không đội mũ bảo hiểm điều khiển chở theo chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1998, trú quán: thôn HD, KC, không đội mũ bảo hiểm đi theo chiều cầu TL hướng ĐT va chạm với xe mô tô BKS 29L1-228.57 do chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, trú tại: CD, HB, Đ, có giấy phép lái xe hạng A1, có đội mũ bảo hiểm điều khiển đi ngược chiều chuyển hướng rẽ trái. Hậu quả chị Nguyễn Thị L bị tổn hại 27% sức khỏe.

Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ đã có Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 85/CQĐT ngày 23/1/2017, kết quả điều tra xác định lỗi: Anh Nguyễn TA điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ khi đến đường giao nhau gây ra tai nạn vi phạm Điều 24 Luật Giao thông đường bộ. Chị Nguyễn Thị L không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên.

Kết thúc điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, anh Nguyễn TA cho rằng không có lỗi trong vụ tai nạn trên là không có cơ sở.

[2]. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại do chi phí khám chữa vết thương do tai nạn xảy ra của bà Nguyễn Thị L cho thấy: yêu cầu bồi thường của bà L là “ *Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*” (Thời gian xảy ra tai nạn là ngày 9/4/2016 nên áp dụng các quy định pháp luật tại thời điểm này là Bộ luật dân sự năm 2005) và được điều chỉnh tại chương XXI “ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” và thuộc trường hợp quy định tại Điều 623 “ *Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra*” theo BLDS năm 2005. Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Bà L yêu cầu bồi thường là 345.091.000đ, gia đình anh TA đã ứng trước 20.000.000đ còn lại 325.091.000đ. Tuy nhiên anh TA không nhất trí toàn bộ yêu cầu của bà L mà chỉ đồng ý chi theo các khoản chi đúng quy định pháp luật. Tòa án sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại là 222.057.000đ và giảm 1/4 mức bồi thường cho anh TA nên còn lại 146.543.000đ buộc anh TA phải bồi thường. Bà L và anh TA cùng kháng cáo không nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do có tranh

chấp về số tiền thiệt hại nên HĐXX căn cứ Nghị quyết số 03/2006 ngày 8/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao: tại mục I, phần 5 có quy định về Nghĩa vụ chứng minh của các đương sự “ Người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc Giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của người bị thiệt hại”. HĐXX phúc thẩm xác định thiệt hại theo quy định pháp luật như sau:

[2.1]. Xét về thiệt hại vật chất (Điều 608 BLDS): Sau khi xảy ra va chạm giữa hai xe, xe máy của bà L bị hỏng nên phải chi phí sửa chữa. Bà L nộp bản kê chi phí sửa chữa hết 6.355.000đ; tuy nhiên kết quả định giá của Hội đồng định giá thì chi phí sửa chữa là 2.560.000đ nên chỉ được chấp nhận theo kết quả đã định giá. Ngoài ra còn chi phí lưu xe tại Cơ quan Công an với số tiền là 5.265.000đ cũng là thiệt hại vật chất của bà L. Cộng = 7.825.000đ.

[2.2]. Xét về thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm (quy định tại Khoản 1 Điều 609 BLDS): Bà L yêu cầu bồi thường số tiền chi phí này là: 32.500.000đ. Do anh TA không nhất trí, nên HĐXX phúc thẩm xem xét theo quy định pháp luật như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm: Tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... Tiền viện phí, tiền mua thuốc bổ, tiền đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sỹ. Tiền viện phí, tiền mua thuốc bổ, tiền đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sỹ; các chi phí thực tế cần thiết khác cho người bị thiệt hại (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ...để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất...

Hội đồng xét xử có xem xét các chứng từ bà L cung cấp gồm có: Theo các hoá đơn của bệnh viện Đ, chi phí trung tâm pháp y ...theo đúng chỉ định của bác sỹ; tổng cộng = 22.437.296đ là phù hợp nên chấp nhận.

Ngoài ra bà L còn xuất trình các hoá đơn mua thuốc không theo chỉ định của bác sỹ, bà L lý giải các loại thuốc bà mua có thành phần tương đương với thuốc theo chỉ định của bác sỹ. Nhưng không có xác nhận của bác sỹ nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Hơn nữa, các hoá đơn mua thuốc này lại không có tên đơn vị bán thuốc, không có tên người mua hàng, và người bán hàng...Tòa án sơ thẩm vẫn chấp nhận các hoá đơn thuốc này là không có căn cứ.

[2.3]. Xét khoản tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu: bà L không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, tuy nhiên bà L bị gãy chân nên phải

nằm viện nội trú và phải thăm khám lại nên thực tế có chi phí phương tiện đi lại nên chấp nhận số tiền chi phí khoảng 2.000.000đ là phù hợp.

[2.4]. Xét chi phí về việc bà L điều trị phục hồi sức khỏe là các chi phí tập vật lý trị liệu; theo bà L yêu cầu là 20.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng minh. Tuy nhiên việc bà L cần phải tập để phục hồi chức năng là có, nên tính ở mức 20.000.000đ là phù hợp.

[2.5]. Xét về thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại: bà L yêu cầu bồi thường 11 tháng 15 ngày x 10.000.000đ = 115.000.000đ. Nhưng anh TA không nhất trí.

HĐXX có xem xét về thời gian bà L nằm viện nội trú là 17 ngày và sau khi ở viện về thì tính 1 tháng bà L bị mất thu nhập hoàn toàn: 1 tháng x 10.000.000đ = 10.000.000đ là phù hợp. Còn thời gian điều trị ngoại trú là 7 tháng, Toà sơ thẩm tính thời gian này bà L vẫn mất thu nhập toàn bộ là không phù hợp, vì bà L vẫn có thể ngồi bán hàng được và không phải nằm tại chỗ nên tính là 40.000.000đ là phù hợp. Cộng = 50.000.000đ.

[2.6]. Xét về chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: bà L bị gãy chân phải nằm viện phẫu thuật trong các ngày 9/4/2016- 26/4/2016 thì ra viện (17 ngày). Thời gian này người thân của bà L phải nghỉ việc để chăm sóc bà L tại bệnh viện là đúng. Ngoài ra, bà L còn chữa bệnh ngoại trú từ 26/4/2016- 10/11/2016 là 7 tháng. Tuy nhiên trong thời gian điều trị ngoại trú này người thân của bà L không phải nghỉ việc hoàn toàn để chăm sóc bà, nên không thể tính phần mất hoàn toàn thu nhập trong thời gian 7 tháng này, chỉ nên tính bằng 1/3 thời gian: 17 ngày + 2 tháng 03 ngày = 3 tháng x 5.000.000 = 15.000.000đ là phù hợp.

[2.7]. Xét về chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại: Luật quy định “ Trong trường hợp sau khi điều trị, người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc (người bị thiệt hại không có khả năng lao động do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên) thì phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại”. Như vậy, chị L không thuộc đối tượng quy định này nên không tính chi phí.

[2.8]. Xét về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị hại: theo quy định tại khoản 2 Điều 609 BLDS 2005 thì mức bồi thường về tổn thất không vượt quá 30 tháng x 1.390.000đ. Bà L bị tổn hại 27% sức khỏe nên có tổn thất về tinh thần. Toà sơ thẩm tính thời

gian tổn thất tinh thần cho bà L là 8 tháng x 1.390.000đ/ tháng = 11.120.000đ là phù hợp.

[2.9]. Tổng cộng các chi phí= 120.557.296đ.

[3]. Xác định về trách nhiệm người phải bồi thường cho bà L như sau: Theo quy định tại Điều 623 BLDS 2005 và mục III của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006, thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra...trừ trường hợp có thoả thuận khác. Chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại kể cả khi không có lỗi...

[3.1]. Toà án sơ thẩm đã không xác định tư cách tham gia tố tụng vụ án là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chủ sở hữu xe máy ông Nguyễn AT và chị Nguyễn Thị Thanh H (người được ông Tuấn giao xe máy) để chị giao lại xe máy cho anh TA sử dụng gây ra tai nạn để làm rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ phương tiện là thiếu sót. Theo lời khai của chủ phương tiện là ông Nguyễn AT tại cơ quan điều tra, thì ông Tuấn không có thoả thuận gì khác đối với chị H và anh TA, nên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về chủ phương tiện là ông AT; còn anh TA có trách nhiệm bồi hoàn lại cho ông AT số tiền ông AT đã trả cho người bị hại.

Toà sơ thẩm buộc anh TA phải bồi thường trực tiếp cho bà L có thiếu sót về mặt thủ tục và thời gian anh TA va chạm xe máy với chị L lúc này anh TA chưa đủ 18 tuổi, cần xác định đại diện gia đình anh TA là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Hữu S (bố anh TA) nhất trí tham gia tố tụng và ông cũng nhất trí nếu theo quy định anh TA phải bồi thường thì gia đình ông cũng sẽ có trách nhiệm theo pháp luật. Như phân tích trên, anh TA vẫn phải bồi hoàn tiền trong trường hợp ông AT bồi thường trực tiếp cho bà L. Nên quyết định của Toà sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các đương sự.

[3.2]. Xét về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân thì anh TA thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 606 BLDS 2005: phải bồi thường bằng tài sản của mình.

Theo phân tích trên, anh TA phải bồi thường cho bà L số tiền là 120.557.296đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 605 “ Người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường, nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình” . Hiện nay anh TA đang là sinh viên trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ (có xác nhận của nhà trường) nên về thu nhập chưa có gì, vẫn sống phụ thuộc gia đình. Nên giảm 1/3 mức bồi thường cho anh TA, còn lại 2/3 là 80.372.000đ anh TA có trách nhiệm bồi thường cho bà L. Như vậy, tổng số tiền bồi thường là 80.372.000đ, gia đình ông S đã ứng trước

20.000.000đ, còn 60.372.000đ anh TA có trách nhiệm bồi thường tiếp. Trường hợp anh TA không đủ tài sản để bồi thường thì đại diện gia đình là ông Nguyễn Hữu S có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

[4]. Cần sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cung cấp thêm các chi phí bà phải chữa trị sau khi xét xử sơ thẩm. Theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm là xem xét lại các phán quyết của Tòa sơ thẩm; các chi phí sau khi Tòa sơ thẩm xét xử chưa được Tòa sơ thẩm xem xét theo thẩm quyền nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét.

Giả thiết sau này, bà L thấy mức bồi thường không còn phù hợp nữa thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 605 BLDS 2005.

[5]. Về án phí DSST: anh TA phải chịu là: $60.000.000đ \times 5\% = 3.000.000đ$

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên; Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 11/9 + 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 605, 606, 608, 609 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” đối với anh Nguyễn TA.

Buộc anh Nguyễn TA có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 80.372.000đ (*Tám mươi triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), đã ứng trước 20.000.000đ, còn 60.372.000đ (*Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) anh TA có trách nhiệm bồi thường tiếp; trường hợp anh TA không đủ tài sản để bồi thường thì đại diện gia đình là ông Nguyễn Hữu S có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn TA phải nộp án phí DSST là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn TA không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001881 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả anh Nguyễn TA số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001876 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân H. Đ
- Chi cục THADS H. Đ
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện